

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 250/2025/DS-PT

Ngày 20/6/2025.

V/v: Tranh chấp hợp đồng đặt cọc

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hương và ông Nguyễn Văn Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 170/2025/TLPT-DS ngày 25 tháng 3 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2025/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 231/2025/QĐ-PT ngày 19 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 232/2025/QĐ-PT ngày 03/6/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành V, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Số E K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vũ Trọng T, sinh năm: 1979; Địa chỉ: Số A Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Hứa Ngọc T1, sinh năm: 1959; Địa chỉ: Thôn D, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

1. Ông Lê Quang T2, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Số A P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bà Hồ Thị M, sinh năm: 1963; Địa chỉ: Thôn D, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Người làm chứng: - Bà Đinh Thị Mỹ A, sinh năm 1984; Địa chỉ: thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1985, Địa chỉ: thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk

Lắc, vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Thành V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình tham gia tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thành V là ông Vũ Trọng T, trình bày:**

Vào ngày 05/7/2024 ông V và ông T1 đã thỏa thuận, tự nguyện ký Hợp đồng mua bán sầu riêng T3. Nội dung hợp đồng thỏa thuận ông V mua sầu riêng Thái Dona của ông T1 tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, số lượng trên dưới 14 tấn, giá 87.000 đồng/kg, mỗi đợt cắt sầu sẽ cân lên tính và thanh toán cho bên bán.

Để bảo đảm cho việc thực hiện Hợp đồng, ông V đã đặt cọc cho ông T1 số tiền 170.000.000 đồng. Ông V đã chuyển đủ tiền đặt cọc cho ông T1. Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 20/7/2024 ông V đã cắt sầu riêng đợt 1 tại vườn, số lượng 4.802kg, chốt số tiền 421.014.000 đồng, ông V đã thanh toán đủ số tiền 421.014.000 đồng cho ông T1. Tuy nhiên, ông T1 đã không thực hiện theo nội dung Hợp đồng đã ký với ông V mà lại bán sầu riêng cho người khác. Do ông T1 vi phạm hợp đồng đã ký kết, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của mình nên ông V đã trình báo đến Công an xã H về nội dung sự việc.

Ngày 12/8/2024, Công an xã H đã mời các bên lên làm việc. Tại buổi làm việc, ông T1 thừa nhận đã ký hợp đồng bán sầu riêng cho ông V nhưng không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng, không tiếp tục bán cho ông V mà bán cho người khác. Ý kiến của ông T1 tại buổi làm việc có nội dung: *“Tôi mong muốn sau khi bán hết sầu riêng trong vườn nhà tôi, sau đó tôi sẽ làm việc với ông V xem số tiền thâm hụt là bao nhiêu rồi sẽ thương lượng trả lại tiền cho ông V”* (trích biên bản làm việc ngày 12/8/2024 tại Công an xã H).

Sau khi ông T1 bán hết sầu riêng đến nay, ông T1 vẫn không trả lại tiền cho ông V. Việc làm của ông T1 đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của ông V, vi phạm thỏa thuận giữa hai bên và vi phạm điều khoản chung của Hợp đồng mua bán sầu riêng Thái ngày 05/7/2024. Do đó, nguyên đơn ông V khởi kiện yêu cầu bị đơn ông T1 trả số tiền đặt cọc 170.000.000 đồng và phạt cọc 170.000.000 đồng, tổng cộng là 340.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn ông Hứa Ngọc T1 trả 170.000.000 đồng tiền phạt cọc do vi phạm Hợp đồng. Ông V chỉ khởi kiện yêu cầu ông T1 trả lại số tiền đặt cọc là 170.000.000 đồng.

*** Quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hứa Ngọc T1 là ông Lê Quang T2, trình bày:**

Vào ngày 05/7/2024 tại nhà vườn của ông T1, ông T1 có ký với ông V 01 hợp đồng đặt cọc bán sầu riêng T3. Trong hợp đồng có ghi rõ tên hàng, giá, số lượng, tiền đặt cọc và điều khoản chung như sau: Tên hàng: Sầu riêng Dona Thái; Giá: 87.000đ/kg; Số lượng: Trên dưới 14 tấn; Tiền đặt cọc: 170.000.000 đồng. Điều khoản chung: Dao

cách dao 7-10 ngày, du di chậm thêm 3-4 ngày nếu quá thì trừ 50% cọc. Nếu vì điều kiện lý do nào đó mà bên B bán mất hàng cho người khác thì phải trả lại tiền cọc và bồi thường gấp 3 lần số tiền bên A đã đặt cọc. Ngược lại nếu bên A không mua nữa thì bên B không trả lại tiền cọc nói trên.

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: “Buộc ông T1 trả cho ông V số tiền 170.000.000 đồng tiền đặt cọc và 170.000.000 đồng tiền phạt cọc, tổng số tiền là 340.000.000 đồng”, thì ông T1 có ý kiến như sau:

Quá trình thực hiện hợp đồng hai bên đã ký, ông V đến cắt sầu riêng dao đầu vào ngày 20/7/2024, cắt được 4.802 kg sầu già giá theo hợp đồng (87.000đ/kg), và 54 kg chín (60.000đ/kg). Sau khi cắt xong đợt 1, ông V đã thanh toán đầy đủ tiền cho gia đình ông T1.

Từ ngày 30/7 đến ngày 03/8/2024, gia đình ông T1 đã nhiều lần gọi điện, nhắn tin cho ông V, yêu cầu ông V đến cắt bởi sầu chín quá nhiều. Tuy nhiên ông V không tới. Đến ngày 03/8/2024 thì ông V mới đến nhà ông T1, ông V yêu cầu gia đình ông T1 giảm giá bán xuống mức 72.000 đồng/kg với lý do giá thị trường sầu riêng đang bị giảm. Để hỗ trợ cho ông V, gia đình ông T1 chỉ đồng ý giảm 7.000 đồng/kg (tức 80.000 đồng/kg) nhưng ông V không chịu và đòi lại 1/2 tiền cọc. Khi gia đình ông T1 không đồng ý thì ông V nói không cắt (không mua) nữa. Từ hôm đó ông V không quay lại, bỏ không cắt trái sầu riêng nữa. Gia đình ông T1 có chứng cứ video trích xuất từ camera an ninh ngày 03/8/2024 của gia đình ghi lại, khi ông V đến vườn nhà ông T1 để giải quyết sự việc. Ông T1 nộp kèm cho Tòa án cùng bản tự khai này cùng với những nội dung quan trọng liên quan mà đã được trích ra bằng văn bản.

Do ông V không tiếp tục cắt (thu mua) đúng hạn làm cho trái sầu riêng nhà ông T1 bị chín rất nhiều (không đủ tiêu chuẩn xuất khẩu). Để tránh, giảm thiệt hại, gia đình ông T1 phải đi tìm người mua khác để bán và bán với giá thấp hơn nhiều so với giá mà lẽ ra ông V phải thu mua và trả cho ông T1. Điều này đã gây thiệt hại cho gia đình ông T1 về thu nhập, tổng số tiền là 270.070.000 đồng.

Vì những sự việc đã xảy ra trên, ông T1 cho rằng những yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ. Trong sự việc này, người vi phạm hợp đồng đặt cọc là ông V. Chính ông V là người không tiếp tục thu mua trái sầu riêng của vườn nhà ông T1 cho nên ông V sẽ mất số tiền đặt cọc, số tiền đặt cọc sẽ bù vào những thiệt hại của gia đình ông T1 do ông V không thực hiện đúng hợp đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST, ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 328 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành V về

việc buộc bị đơn ông Hứa Ngọc T1 phải trả 170.000.000 đồng tiền đặt cọc.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành V về việc yêu cầu bị đơn ông Hứa Ngọc T1 phải trả 170.000.000 đồng tiền phạt cọc.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/01/2025 nguyên đơn ông Nguyễn Thành V kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ, cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST, ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, cụ thể buộc bị đơn ông Hứa Ngọc T1 phải trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Thành V bằng một nửa số tiền đặt cọc là 85.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thành V được nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thành V, Hội đồng xét xử phúc thẩm, nhận thấy:

[2.1] Theo Hợp đồng mua bán sầu riêng Thái được ký kết vào ngày 05/7/2024, giữa nguyên đơn ông Nguyễn Thành V và bị đơn ông Hứa Ngọc T1 thể hiện nội dung: Ông Nguyễn Thành V mua sầu riêng Dona Thái của ông Hứa Ngọc T1 với số lượng trên dưới 14 tấn, giá 87.000 đồng/kg, về phương thức thanh toán bên mua sẽ thanh toán tiền cho bên bán sau mỗi đợt cắt, ông V đã đặt cọc trước cho ông T1 số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng) để thực hiện hợp đồng, ông V đã giao cho ông T1 số tiền cọc này.

Ngoài ra, các bên còn thỏa thuận điều khoản chung tại hợp đồng với nội dung:

“Khi thu hoạch, nếu sầu riêng trong vườn sượng, cháy mũi thì bên mua (Bên A) có quyền ngưng hợp đồng, không mua và bên bán (Bên B) có trách nhiệm trả tiền cho bên mua (Bên A) đã đặt cọc. Dao cách dao 7-10 này, du di thêm 3-4 ngày nếu quá thì trừ 50% cọc, bên mua (Bên A) có trách nhiệm cắt hàng theo hợp đồng, nếu trường hợp do thời tiết xấu, mưa bão...thì bên bán (Bên B) phải chờ đến khi tạnh bên mua mới tiếp tục cắt. Nếu vì điều kiện lý do nào đó bên bán bán (Bên B) hàng cho người khác thì phải trả lại tiền cọc và bồi thường gấp 3 lần số tiền bên mua (Bên A) đã đặt cọc. Ngược lại bên mua (Bên A) không mua nữa thì bên bán (Bên B) không trả tiền cọc”.

Xét thấy, Hợp đồng mua bán sầu riêng T3 được ký kết vào ngày 05/7/2024, giữa nguyên đơn ông Nguyễn Thành V và bị đơn ông Hứa Ngọc T1 là trên cơ sở tự nguyện, được hai bên thừa nhận, nên phát sinh hiệu lực của hợp đồng.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 20/7/2024 ông V đã cắt sầu riêng đợt 1 (Dao 1) tại vườn, số lượng 4.802kg giá 87.000đ/kg, với số tiền 421.014.000 đồng, ông V đã thanh toán đủ số tiền 421.014.000 đồng cho ông T1.

Đối chiếu theo hợp đồng đã thỏa thuận thì đợt cắt tiếp theo (dao 2) sẽ được thực hiện chậm nhất vào ngày 03/8/2024. Căn cứ vào lời trình bày của bị đơn, cũng như chứng cứ mà bị đơn cung cấp về nội dung trích xuất từ Camera gia đình thì vào ngày 03/8/2024, ông V đã đến nhà ông T1 để thực hiện việc cắt dao 2. Tuy nhiên, ông T1 và ông V không thống nhất được về giá để cắt sầu riêng, do giá sầu riêng trên thị trường xuống thấp và chất lượng sầu riêng không đảm bảo do vào mùa mưa thì ông V xin xuống giá nhưng ông T1 không đồng ý nên ông V xin lại một nửa tiền đặt cọc.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, về mặt thời gian cắt đợt 2 ông V đã thực hiện đúng thỏa thuận, việc sầu riêng xuống giá và chất lượng sầu riêng không đạt là có cơ sở. Bởi lẽ, theo bảng kê giá bán sầu riêng do bị đơn cung cấp từ ngày 03/8/2024 đến 27/8/2024 (B1 số 28) thể hiện ông T1 đã bán sầu riêng cho người khác vào ngày 03/8/2024 với giá là 40.000đ/kg và giá bán dao động các ngày tiếp theo từ ngày 04/8/2024 đến ngày 27/8/2024 là 10.000đ/kg đến 62.000đ/kg. Như vậy, có căn cứ xác định tại thời điểm đó, giá sầu riêng Thái trên thị trường xuống thấp và theo ý kiến của bị đơn xác định ngày 03/8/2024 ông V đã trả giá 72.000đ/kg sầu riêng nhưng không được ông T1 chấp nhận mà chỉ chấp nhận giá xuống 80.000đ/kg. Đối chiếu giá sầu riêng mà ông T1 bán được vào ngày 03/8/2024 chỉ là 40.000đ/kg, do đó trong trường hợp ông V tiếp tục cắt với giá thỏa thuận như trong hợp đồng 87.000đ/kg thì ông V sẽ bị lỗ. Căn cứ nội dung thỏa thuận tại hợp đồng ngày 05/7/2024 thì có các điều khoản chung gồm: *“Khi thu hoạch, nếu sầu riêng trong vườn sượng, cháy mũi thì bên mua có quyền ngưng hợp đồng, không mua và bên bán có trách nhiệm trả tiền cho bên mua đã đặt cọc... bên mua có trách nhiệm cắt hàng theo hợp đồng, nếu trường hợp thời tiết xấu, mưa bão...thì bên bán phải chờ đến khi tạnh bên mua mới tiếp tục cắt”.* Như vậy, thấy rằng nguyên nhân việc ông V không tiếp tục mua sầu riêng của ông T1 là do yếu tố chủ quan và cả khách quan dẫn đến việc hai bên không tiếp tục thực hiện hợp đồng và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Bà Hồ Thị M là vợ ông T1) cũng đồng ý hỗ trợ cho ông V số tiền 20.000.000 đồng trong tổng số tiền 170.000.000 đồng mà ông V đã đặt cọc cho ông T1, ngoài ra theo biên bản làm việc

ngày 12/8/2024 tại Công an xã H, ông T1 có ý kiến với nội dung: “Tôi mong muốn sau khi bán hết sầu riêng trong vườn nhà tôi, sau đó tôi sẽ làm việc với ông V xem số tiền thâm hụt là bao nhiêu rồi sẽ thương lượng trả lại tiền cho ông V”.

Như vậy, xét về các yếu tố dẫn đến các đương sự không tiếp tục thực hiện hợp đồng được, thì thấy nguyên nhân chủ quan là do cả ông V và ông T1, nhưng xét về mức độ lỗi dẫn đến các bên không thể tiếp tục hợp đồng là do lỗi của ông V có phần nhiều hơn, còn về nguyên nhân khách quan theo trình bày của các nhân chứng là bà Đinh Thị Mỹ A, bà Trần Thị Thu H là tại thời điểm đó thời tiết xấu do trời mưa, sầu riêng bị sượng, giá sầu riêng trên thị trường xuống thấp.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các bên đương sự khi tham gia giao kết hợp đồng và đã thực hiện hợp đồng nhưng chưa hoàn thành nên Hội đồng xét xử phúc thẩm cần xác định mức độ lỗi mà các bên phải chịu dẫn đến thiệt hại, cụ thể là bên mua là ông V phải chịu thiệt hại 60% mức độ lỗi tương ứng với số tiền là 102.000.000 đồng bị mất cọc và ông T1 phải chịu 40% mức độ lỗi tương ứng với số tiền 68.000.000 đồng của số tiền mà ông V đã đặt 170.000.000 đồng. Như vậy, ông T1 có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận cọc cho ông V là 68.000.000 đồng là hợp lý, hợp tình, đảm bảo quyền và lợi ích của các bên. Đồng thời cũng phù hợp với ý kiến ban đầu của ông V đòi lại 50% tiền đặt cọc cũng như ý kiến của ông T1 đã trình bày tại Công an xã H, thành phố B.

[3]. Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thành V, sửa một phần Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[4]. Về án phí:

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm, nên cần xác định lại án phí dân sự sơ thẩm như sau:

- Ông Nguyễn Thành V phải chịu án phí đối với số tiền yêu cầu không được chấp nhận là 102.000.000 đồng (170.000.000 đồng - 68.000.000 đồng) x 5% = 5.100.000 đồng (đã làm tròn). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 8.500.000 đồng theo biên lai thu số AA/2023/0013552 do ông V đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột ngày 23/9/2024, ông V còn được nhận lại số tiền 3.400.000 đồng.

- Ông Hứa Ngọc T1 sinh năm 1959 đã trên 60 tuổi, tại phiên tòa phúc thẩm bên phía bị đơn xin được miễn nộp án phí nên ông T1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông Nguyễn Thành V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí (do bà Vũ Thị Ngọc N thay ông V) đã nộp theo biên lai số 0000840 ngày 19/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột cho ông Nguyễn Thành V.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận

một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thành V; Sửa một phần quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Áp dụng Điều 328, Điều 419, Điều 420 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành V:

Buộc bị đơn ông Hứa Ngọc T1 phải trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Thành V số tiền 68.000.000 đồng (*Sáu mươi tám triệu đồng*).

[2] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành V về việc buộc ông Hứa Ngọc T1 phải trả lại số tiền 102.000.000 đồng (*Một trăm lẻ hai triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành V về việc yêu cầu bị đơn ông Hứa Ngọc T1 phải trả 170.000.000 đồng tiền phạt cọc.

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Thành V phải nộp 5.100.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 8.500.000 đồng theo biên lai thu số AA/2023/0013552 do ông V đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột ngày 23/9/2024. Như vậy, ông Nguyễn Thành V được nhận lại số tiền 3.400.000 đồng.

- Bị đơn ông Hứa Ngọc T1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thành V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí (do bà Vũ Thị Ngọc N thay ông V) đã nộp theo biên lai số 0000840 ngày 19/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột cho ông Nguyễn Thành V.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành

án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND THADS TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP. Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr